

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8-ĐẮK LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 37/2025/DS-ST

Ngày: 26 - 9 - 2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nhất

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Dhiều HMok

2. Ông Nguyễn Văn Thúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yến - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025 tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân khu vực 8 – Đắk Lắk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2025/QĐXX-ST ngày 20 tháng 8 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: B - B N, phường X, TP .

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn: Ông Trần Gia T; có đơn xin xét xử vắng mặt

Bị đơn: Ông Võ Việt C, sinh năm 1982. Địa chỉ: A V, tổ dân phố Đ, phường B, Đắk Lắk. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 01/11/2016 ông Võ Việt C có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 30,000,000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất áp dụng là 2.15%/ tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 53.341.926 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông C đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 47.020.233 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

+ Các khoản phí/ hoặc lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông C vẫn không có thiện chí trả nợ.

Do ông C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), nên ngày 01/3/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 27.041.795 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 26/9/2025, ông C còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 96.867.935 đồng (Bằng chữ: Chín mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm ba mươi lăm đồng), trong đó: Nợ gốc: 27.041.795 đồng; Lãi quá hạn 69.826.140 đồng.

Mặc dù, Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông C, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời

Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông C vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn ông C:

Buộc ông C phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/9/2025 là 96.867.935 đồng (Bằng chữ: Chín mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm ba mươi lăm đồng), trong đó: Nợ gốc: 27.041.795 đồng; Lãi quá hạn 69.826.140 đồng và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ sau ngày 26/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký kết.

* Quá trình điều tra thu thập tài liệu chứng cứ, ông Võ Việt C là bị đơn đã lần tránh, không hợp tác nên không ghi nhận được ý kiến của ông C đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Đắk Lắk*

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Việc thu thập chứng cứ, việc cấp, tổng đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192, khoản 1 Điều 207, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1 Điều 465, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Áp dụng Điều 91; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S; buộc ông Võ Việt C phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/9/2025 là 96.867.935 đồng (Bằng chữ:

Chín mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm ba mươi lăm đồng), trong đó: Nợ gốc: 27.041.795 đồng; Lãi quá hạn 69.826.140 đồng và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ sau ngày 26/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký kết. Ngoài ra, ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.1] Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ và đúng địa chỉ, nơi cư trú của bị đơn trong hợp đồng mà bị đơn ký kết. Tuy nhiên, bị đơn không hợp tác và cố tình lẩn tránh. Theo biên bản xác minh tại nơi cư trú ngày 25 tháng 12 năm 2024, của chính quyền địa phương xác định ông Võ Việt C, sinh năm 1982 có hộ khẩu và cư trú tại: 01 đường V, tổ dân phố Đ, phường B, tỉnh Đắk Lắk, hiện nay ông C không có mặt tại địa phương không biết ông C cư trú ở đâu. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định bị đơn thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng đã ký kết mà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40; khoản 2 Điều 277 của Bộ luật Dân sự là thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Vì vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung là phù hợp với quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 5, Điều 6 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ -HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho bị đơn để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn không có mặt. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải, công khai chứng cứ đối với các đương sự được.

[1.3] Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai phải có mặt tại phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3

Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung tranh chấp: Căn cứ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án nhận thấy: Ngày 01/11/2016 ông Võ Việt C có ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng, hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất áp dụng là 2.15%/ tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 53.341.926 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông C đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 47.020.233 đồng, nhưng sau đó, ông C không thanh toán cho Ngân hàng nữa là vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng đã ký kết ngày 01/11/2016. Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện buộc ông C phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 26/9/2025 là 96.867.935 đồng, trong đó: Nợ gốc: 27.041.795 đồng; Lãi quá hạn 69.826.140 đồng và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ sau ngày 26/9/2025 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký kết là có căn cứ.

[3] Hội đồng xét xử, nhận định: Khi hai bên xác lập quan hệ vay tài sản là hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về điều kiện, mục đích, nội dung và hình thức hợp đồng vay tài sản được quy định tại các Điều 117, Điều 118, Điều 119 và Điều 463 Bộ luật Dân sự. Lãi suất do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên công nhận việc vay tài sản giữa các bên là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ của bên cho vay tài sản quy định tại khoản 1 Điều 465 Bộ luật Dân sự: “*Giao tài sản cho bên vay đầy đủ, đúng chất lượng, số lượng vào thời điểm và địa điểm đã thỏa thuận*”. Nay bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, được quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền 96.867.935 đồng cho nguyên đơn.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên cần buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192, khoản 1 Điều 207, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các khoản 3 Điều 40; Điều 117, Điều 118, Điều 119, khoản 2 Điều 277, Điều 463, khoản 1 Điều 465, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010

- Căn cứ Điều 5, Điều 6 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ -HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín

1. Buộc ông Võ Việt C có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 26/9/2025) là 96.867.935 đồng (Chín mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm ba mươi lăm đồng). Trong đó: Nợ gốc: 27.041.795 đồng; Lãi quá hạn 69.826.140 đồng

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Võ Việt C tiếp tục phải chịu tiền lãi phát sinh trên nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng TMCP S.

2. Về án phí: Ông Võ Việt C phải chịu 4.843.000 (Bốn triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền 1.923.148 đồng tạm ứng án phí do Ngân hàng nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự Quận 8 (Nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 10) Thành phố Hồ Chí Minh, theo biên lai số: 002813, ngày 08 tháng 5 năm 2025.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân

sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND khu vực 8 – Đắk Lắk
- Thi hành án dân sự TPHCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Bá Nhất